

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HÒA ĐIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 15 /KH-UBND

Hòa Điền, ngày 21 tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số trên địa bàn xã Hòa Điền năm 2026

Căn cứ Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026. Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn xã Hòa Điền năm 2026, với các nội dung như sau:

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NĂM 2025

Trên cơ sở Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn xã năm 2025. Ủy ban nhân dân xã đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đạt các chỉ tiêu đã đề ra, trong đó đạt được 09/13 chỉ tiêu; 04/13 chỉ tiêu chưa đạt¹.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2025

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

PHẦN II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2026

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

¹ Chỉ tiêu chưa đạt:

- 100% dịch vụ hành chính công thuộc thẩm quyền xã cung cấp trực tuyến mức độ 3,4; tối thiểu 95% hồ sơ tiếp nhận, xử lý trực tuyến.
- 100% cán bộ, công chức sử dụng chữ ký số trong xử lý công việc.
- 85% hộ kinh doanh, tiểu thương áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt.
- 70% sản phẩm, dịch vụ đặc trưng của xã được quảng bá trên sàn thương mại điện tử hoặc nền tảng số.

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

- Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về phát triển kinh tế số giai đoạn 2024 – 2025;

- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

- Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh An Giang triển khai thực hiện Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh An Giang;

- Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh An Giang triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 205/KH-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh An Giang về phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2025 – 2030;

- Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh An Giang về việc Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu của chuyển đổi số, người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng những thành quả do chuyển đổi số mang lại theo tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

- Tập trung nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng, triển khai các nền tảng số, dữ liệu mở, cơ sở dữ liệu dùng chung tạo nền tảng triển khai chuyển đổi số đảm bảo an toàn thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Các chỉ tiêu, mục tiêu kế hoạch đặt ra phải thiết thực, bám sát thực tiễn, điều kiện thực tế, có tính đột phá; các mục tiêu cần rõ ràng, định lượng, có tính khả thi, rõ phương pháp đánh giá, đo lường kết quả.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Xây dựng Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Kế hoạch kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi trên địa bàn xã và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát theo Kế hoạch đã được ban hành.

- Tăng cường trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc triển khai chuyển đổi số. Người đứng đầu chịu trách nhiệm, nêu gương, truyền cảm hứng trong chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách.

- Thường xuyên theo dõi, chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện tiến độ các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, “điểm nghẽn” trong quá trình triển khai thực hiện và có sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả để tiếp tục đề ra phương hướng, giải pháp triển khai hiệu quả, thực chất.

- Đẩy mạnh công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên cơ sở dữ liệu thời gian thực, nhất là Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên môi trường điện tử theo Quyết định 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; các hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số.

2. Thể chế số, chính sách số

- Xây dựng các văn bản, kế hoạch thực thi các chương trình, kế hoạch triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số; rà soát, đề xuất sửa đổi bổ sung các văn bản pháp luật thúc đẩy chuyển đổi số.

- Xây dựng, ban hành các văn bản, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực tại địa phương như: chính sách phát triển, thu hút nhân lực, tuyển dụng, xét nâng lương, nâng ngạch đội ngũ cán bộ làm chuyên đổi số; khuyến khích, thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, doanh nghiệp; chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp, mới thành lập;... theo hướng dẫn của các cơ quan, ban, ngành tỉnh.

- Triển khai các quy định kỹ thuật về dữ liệu các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; xây dựng các quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu; quy chế, quy định, hướng dẫn, quy chuẩn dữ liệu đối với các HTTT, CSDL (nhất là các CSDL dùng chung, các CSDL ngành) để tạo thuận lợi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu.

3. Hạ tầng số

Phối hợp, triển khai xây dựng, phát triển hạ tầng số để thúc đẩy chuyển đổi số, phục vụ Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, bao gồm:

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch phát triển hạ tầng số đến năm 2030 của tỉnh; kịp thời hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai xây dựng Hạ tầng số trên địa bàn xã.

- Hoàn thiện, bảo đảm quy hoạch xã phù hợp với quy hoạch tỉnh, sẵn sàng cho phát triển hạ tầng số (ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển nhà trạm thu phát sóng di động, hạ tầng băng rộng, xây dựng các trung tâm lưu trữ dữ liệu, trạm trung chuyển Internet).

- Ưu tiên khai thác, sử dụng hiệu quả hạ tầng số dùng chung cấp quốc gia (Mạng truyền số liệu chuyên dùng, Trung tâm dữ liệu tỉnh).

- Phối hợp tổ chức triển khai các mạng diện rộng của tỉnh trên địa bàn xã, sử dụng hạ tầng kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

- Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn xã.

- Duy trì, nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng kết nối, giám sát, kiểm sát truy cập tập trung của Mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm ổn định, thông suốt, kết nối các hệ thống thông tin, nền tảng, ứng dụng phục vụ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của xã.

4. Nhân lực số

- Duy trì, tăng cường công tác phối hợp với ban, ngành tỉnh bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số nói chung, chính quyền số, kinh tế số, an toàn thông tin cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động; bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật chuyên biệt và thường xuyên cho đội ngũ cán bộ tập trung vào kỹ năng vận hành các nền tảng dùng chung và kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh tổ chức, tham gia, bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về kiến trúc dữ liệu, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo; sử dụng dữ liệu hỗ trợ ra quyết định, xây dựng chính sách, công tác chỉ đạo điều hành của lãnh

đạo các cấp; về an toàn thông tin; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ chuyên trách chuyển đổi số, cán bộ phụ trách an toàn thông tin,...

- Thực hiện truyền thông chính sách, phổ biến thông tin về Chính phủ số, Chính quyền số, các nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI, chuyển đổi số đến người dân, doanh nghiệp.

- Phối hợp tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng “Bình dân học vụ số”, Tổ công nghệ số cộng đồng và các hoạt động xã hội hóa, ưu tiên triển khai tại nông thôn, vùng sâu vùng xa và với nhóm người cao tuổi.

5. Phát triển dữ liệu số

Triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung về nhiệm vụ, giải pháp phát triển dữ liệu số theo Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang triển khai thực hiện Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh; triển khai sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, trong đó ưu tiên các lĩnh vực trọng điểm, thế mạnh của xã về nông nghiệp.

6. An toàn thông tin mạng

Triển khai nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin. Các nhóm việc cần triển khai bao gồm: Xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ; Triển khai phương án bảo vệ theo hồ sơ đã được phê duyệt; Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ; phân đấu đảm bảo 100% hệ thống thông tin được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin; thực hiện nguyên tắc hệ thống chưa được kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng.

7. Chính quyền số

7.1. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, xác định mục tiêu phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương, phấn đấu 80% trở lên hồ sơ thủ tục hành chính là hồ sơ trực tuyến toàn trình, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần; 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi của xã; 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch; 50% các dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI; 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Thực hiện rà soát, cập nhật hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của xã đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Phối hợp các ngành triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID.

- Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử.

7.2. Triển khai quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thường xuyên rà soát, nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống, nền tảng số dùng chung của tỉnh đảm bảo vận hành ổn định, thông suốt, hiệu quả đáp ứng theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

7.3. Triển khai, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong quản lý, điều hành, hỗ trợ hoạt động của cán bộ, công chức

Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

8. Kinh tế số và xã hội số

8.1. Triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số

- Triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ chuyển đổi số. Trong đó, hỗ trợ, đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp theo Quyết định 1567/QĐ-BKHCN ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành bộ tiêu chí đánh giá - mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp; hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp triển khai các giải pháp công nghệ, ứng dụng nền tảng số để chuyển đổi số, phù hợp theo định hướng của quốc gia.

- Triển khai có hiệu quả các nội dung tại Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 08/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2028 trên địa bàn xã.

8.2. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về vai trò, lợi ích của chữ ký số công cuộc chuyển đổi số

- Hướng dẫn, công bố cách thức đăng ký, sử dụng chữ ký số, kiểm tra chữ ký số nhằm thúc đẩy người dân thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng, tiến tới tăng cường trong cả các giao dịch điện tử khác như tài chính, thương mại điện tử.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc triển khai phần mềm ký số, phần mềm kiểm chữ ký số và tích hợp, kết nối ký số vào Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo Thông tư số 15/2025/TT-BKHCN ngày 15/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra chữ ký số và cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026 trên địa bàn xã, trên cơ sở hướng dẫn của tỉnh và điều kiện thực tế của xã bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với mục đích, ý nghĩa, chủ đề của Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026.

- Phát động phong trào thi đua Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước nhằm đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Triển khai các hoạt động kiểm tra, đánh giá, bảo đảm an toàn thông tin định kỳ, thường xuyên cho các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của Bộ Công an.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị chủ động cân đối, lồng ghép trong kinh phí chi thường xuyên và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện. Các nhiệm vụ đề ra phải đảm bảo không trùng lặp với các chương trình, kế hoạch, đồng thời chịu trách nhiệm thanh quyết toán kinh phí đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hoá – Xã hội

- Chủ trì, phối hợp các ban, ngành tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

- Định kỳ, đột xuất báo cáo UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số trên địa bàn xã; Chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị triển khai và thực hiện đúng theo lộ trình Kế hoạch đề ra, đảm bảo các nhiệm vụ, dự án không chồng chéo, trùng lặp khi triển khai thực hiện; đôn đốc các cơ quan nhà nước trong việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số phục vụ Cải cách hành chính trên địa bàn xã.

- Phối hợp phòng Kinh tế nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức về Chuyển đổi số; xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hệ thống ngành giáo dục trên địa bàn xã, nhằm đáp ứng quá trình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và phổ cập kiến thức công nghệ thông tin, kỹ năng số, dịch vụ công trực tuyến trong các trường.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, Chuyển đổi số trong ngành giáo dục, y tế; Đẩy mạnh việc triển khai và thực hiện có hiệu quả các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn xã.

- Triển khai công tác tuyên truyền, bồi dưỡng, tập huấn cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước về Chuyển đổi số, xây dựng Chính quyền số.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã, Trung tâm Phục vụ hành chính công

- Tham mưu UBND triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính; rà soát, đánh giá thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu xây dựng dịch vụ công trực tuyến theo các mức độ, chuẩn hóa danh mục dịch vụ công trực tuyến.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan chuyên môn của UBND xã trong việc chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị; cung cấp, công khai các thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia đảm bảo đồng bộ với cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính.

- Phối hợp các phòng, ban, ngành xã triển khai thực hiện Quyết định của tỉnh công bố các thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

3. Phòng Kinh tế

Phối hợp với phòng Văn hoá - Xã hội tham mưu Đảng ủy, UBND xã bố trí kinh phí đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ được phê duyệt tại Kế hoạch này trong khả năng cân đối ngân sách nhà nước, đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các quy định có liên quan; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng kinh phí chi cho chuyển đổi số đúng quy định hiện hành.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thúc đẩy thương mại điện tử, phát triển thương mại số, chuyển đổi số ngành Công Thương, đặc biệt là thương mại điện tử vùng nông thôn, đưa các sản phẩm nông nghiệp lên trao đổi trên các sàn thương mại điện tử.

4. Công an xã

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND xã triển khai các nhiệm vụ về đảm bảo an ninh, an toàn thông tin mạng trên địa bàn xã và Đề án 06.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.

5. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp

Thực hiện thông tin, tuyên truyền, truyền thông các chủ trương, định hướng chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của xã; vai trò, lợi ích của chuyển đổi số đối với người dân, doanh nghiệp; sử dụng dịch vụ công trực tuyến; các mô hình, cách làm hay, bài toán, sáng kiến điển hình để phổ biến, nhân rộng; các hoạt động khuyến khích, thúc đẩy thi đua chuyển đổi số; gắn kết CCHC với chuyển đổi số;... để các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp nâng cao nhận thức, tích cực tham gia, đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số thúc đẩy phát triển kinh tế

- xã hội, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp; tuyên truyền, phòng chống lừa đảo trực tuyến, bảo vệ thông tin cá nhân,...

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn xã Hòa Điền năm 2026, trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân xã (Phòng Văn hóa – Xã hội) tham mưu xem xét điều chỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- TT. Đảng ủy xã;
- TT. HĐND xã;
- CT và các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc xã;
- Lưu VT.



K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thành Lương



PHỤ LỤC 1

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 15 /KH-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Điền)

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số tại địa phương

a) Kết quả đạt được

- Trong năm 2025, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành về chuyển đổi số của xã Hòa Điền được triển khai quyết liệt, đồng bộ và bám sát các văn bản của Trung ương, tỉnh. UBND xã đã ban hành nhiều văn bản cụ thể hóa như: Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 20/8/2025 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 16/9/2025 về triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã Hòa Điền; Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 16/09/2025 về chuyển đổi số trên địa bàn xã Hòa Điền và nhiều văn bản chỉ đạo khác nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ đến từng cơ quan, đơn vị.

- Thành lập Ban Chỉ đạo về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06²; đồng thời thành lập 02 Tổ giúp việc³, 13 Tổ Công nghệ số cộng đồng và phản ứng nhanh của các ấp theo đúng quy định, bảo đảm phân công rõ người, rõ nhiệm vụ, rõ trách nhiệm.

- Công tác giao ban, đôn đốc, theo dõi tiến độ được duy trì thường xuyên; kịp thời tháo gỡ khó khăn, xử lý tồn đọng và đẩy nhanh các chỉ tiêu chuyển đổi số. UBND xã tích cực chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công, các phòng chuyên môn thực hiện tốt số hóa hồ sơ, dữ liệu, giải quyết TTHC trực tuyến, thực hiện Đề án 06 và các nhiệm vụ liên thông dữ liệu theo yêu cầu của tỉnh. Việc tuyên truyền, tập huấn được tổ chức bài bản, giúp nâng cao nhận thức và năng lực chuyển đổi số cho cán bộ, công chức và người dân.

b) Tồn tại, hạn chế

- Việc cập nhật văn bản chỉ đạo và hướng dẫn chuyển đổi số có lúc triển khai chưa kịp thời, chưa đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị.

- Một số nhiệm vụ yêu cầu phối hợp cơ quan, đơn vị (đồng bộ cơ sở dữ liệu, vận hành nền tảng số liên thông, bảo đảm an toàn thông tin...) đôi khi còn chậm. Công tác đôn đốc, theo dõi chỉ tiêu có lúc chưa thật quyết liệt; việc nắm bắt khó khăn

² Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã về việc thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, Đề án 06 xã Hòa Điền.

³ Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 về việc thành lập Tổ giúp việc triển khai Đề án 06 xã Hòa Điền; Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 về việc thành lập Tổ Giúp việc về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và cải cách hành chính.



từ cơ sở đôi khi chưa kịp thời, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện một số nội dung chuyển đổi số.

2. Về công tác hoàn thiện thể chế số

2.1. Công tác xây dựng, ban hành các chương trình/đề án/kế hoạch, chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

UBND xã đã chủ động, kịp thời ban hành đầy đủ hệ thống chương trình, kế hoạch phục vụ công tác chuyển đổi số theo chỉ đạo của Trung ương, tỉnh. Trong năm 2025, xã đã ban hành loạt các văn bản quan trọng cụ thể hóa các Kế hoạch của Trung ương, tỉnh; các chương trình, kế hoạch đều được xây dựng bám sát mục tiêu chuyển đổi số, phân công nhiệm vụ cụ thể theo từng lĩnh vực, bảo đảm rõ tiến độ, rõ trách nhiệm và có sự tham gia của tất cả cơ quan, đơn vị. Việc ban hành đồng bộ các kế hoạch đã tạo cơ sở pháp lý thống nhất, định hướng rõ ràng cho các hoạt động chuyển đổi số tại xã; góp phần nâng cao nhận thức trong hệ thống chính trị, thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ công và lan tỏa phong trào học tập, sử dụng kỹ năng số trong cộng đồng dân cư.

b) Tồn tại, hạn chế

Mặc dù hệ thống kế hoạch được ban hành khá đầy đủ, công tác xây dựng văn bản phục vụ chuyển đổi số vẫn còn một số hạn chế:

- Một số kế hoạch còn xây dựng trong thời gian ngắn để kịp tiến độ chỉ đạo của cấp trên, dẫn tới nội dung có mặt chưa sâu, chưa bao quát đầy đủ tính đặc thù của địa phương.

- Một vài kế hoạch mang tính định hướng nhưng chưa gắn chặt với nguồn lực thực tế (kinh phí, nhân lực CNTT), gây khó khăn trong tổ chức thực hiện.

Ngoài ra, nhiều chương trình chuyển đổi số của cấp trên đòi hỏi thời gian ngắn, yêu cầu cập nhật nhanh, khiến quá trình rà soát, tham mưu của một số bộ phận còn chậm, chưa đồng bộ theo đúng nhịp độ chỉ đạo của ngành dọc.

2.2. Công tác tổ chức triển khai thực hiện

- UBND xã đã tổ chức triển khai đồng bộ, thống nhất các nhiệm vụ chuyển đổi số theo đúng kế hoạch đã ban hành. Thành lập và kiện toàn đảm bảo các Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc, Tổ Công nghệ số cộng đồng tại 13 ấp; phân công rõ trách nhiệm từng thành viên, bảo đảm sự tham gia liên thông giữa các bộ phận chuyên môn và cơ sở. Các Tổ duy trì chế độ làm việc định kỳ, báo cáo tiến độ, phối hợp giải quyết khó khăn phát sinh và tham mưu kịp thời cho UBND xã trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Chỉ đạo cơ cơ quan chuyên môn, Trung tâm Phục vụ hành chính công và các Tổ công tác được duy trì chặt chẽ; kịp thời tháo gỡ các khó khăn về kỹ thuật, hạ tầng, tài khoản định danh, số hóa hồ sơ và khai thác dữ liệu dân cư. Nhờ đó, các chỉ tiêu về số hóa, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, cập nhật dữ liệu và các nền tảng chuyên ngành đều được thực hiện đúng tiến độ, phát huy hiệu quả tích cực.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được

- Trong năm 2025, UBND xã đã quan tâm đầu tư, củng cố và từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng số phục vụ công tác chuyển đổi số và xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số. Hệ thống mạng nội bộ được duy trì hoạt động ổn định, bảo đảm kết nối thông suốt giữa các phòng, bộ phận và các đơn vị trực thuộc. Các thiết bị công nghệ thông tin như máy tính, máy in, máy scan, thiết bị ký số... được rà soát, bổ sung kịp thời nhằm đáp ứng yêu cầu xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử.

- Xã đã triển khai, vận hành ổn định phòng họp trực tuyến; hệ thống camera giám sát tại trụ sở hoạt động liên tục, hỗ trợ theo dõi, bảo vệ an ninh và giám sát việc giải quyết thủ tục hành chính. Bên cạnh đó, việc tách biệt các đường truyền Internet (một cho công dân, một cho cán bộ) giúp bảo đảm an toàn dữ liệu và nâng cao hiệu suất truy cập. Công tác bảo đảm an toàn thông tin được chú trọng thông qua việc sao lưu dữ liệu định kỳ, quản lý tài khoản truy cập, cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro.

- Nhìn chung, hạ tầng số của xã đã đáp ứng cơ bản yêu cầu triển khai dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận - xử lý - trả kết quả TTHC trên môi trường mạng và phục vụ công tác điều hành điện tử.

b) Tồn tại, hạn chế

Một số trang thiết bị công nghệ thông tin đã qua thời gian sử dụng dài, cấu hình thấp, hoạt động chưa ổn định, dẫn đến hiệu quả trong số hóa hồ sơ và vận hành các phần mềm chuyên ngành chưa cao.

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

a) Kết quả đạt được

- Trong năm 2025, UBND xã đã quan tâm triển khai nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phục vụ yêu cầu cải cách hành chính và chuyển đổi số. Xã đã cử 100% cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do tỉnh tổ chức về chuyển đổi số, Đề án 06, an toàn thông tin mạng, kỹ năng sử dụng phần mềm chuyên ngành và các lớp bồi dưỡng theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

- Hoàn thiện, ban hành Đề án vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức, qua đó làm rõ trách nhiệm, yêu cầu năng lực từng vị trí, tạo cơ sở để bố trí, sử dụng và đánh giá nhân sự hiệu quả hơn, nhất là nhân sự phụ trách công tác chuyển đổi số tại địa phương. Công tác phân công nhiệm vụ được thực hiện công khai, minh bạch, bám sát yêu cầu thực tiễn và trình độ chuyên môn.

b) Tồn tại, hạn chế

- Một số cán bộ chuyên môn kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực dẫn đến việc tự cập nhật kiến thức, công nghệ mới còn hạn chế. Một số cán bộ lớn tuổi tiếp cận chậm với các phần mềm mới, kỹ năng số chưa đồng đều, khiến quá trình triển khai chuyển đổi số ở một số thời điểm chưa thật sự thông suốt.

- Xã hiện chưa có nhân sự chuyên trách về công nghệ thông tin hoặc cán bộ có chuyên môn sâu về khoa học kỹ thuật để tham mưu các vấn đề kỹ thuật, bảo đảm an toàn thông tin, cấu hình hạ tầng hoặc xử lý sự cố hệ thống. Việc bố trí cán bộ có kinh nghiệm về chuyển đổi số vào các vị trí quản lý theo yêu cầu của tỉnh còn gặp khó khăn do nguồn nhân lực hạn chế.

- Ngoài ra, các lớp đào tạo chuyên sâu về dữ liệu số, nền tảng số, phân tích và khai thác dữ liệu... vẫn còn ít, chưa đi sâu vào thực trạng và giải pháp cụ thể trong từng lĩnh vực; nội dung đào tạo chủ yếu là bước đầu, chưa đáp ứng đủ yêu cầu phát triển nhân lực chất lượng cao cho quá trình chuyển đổi số nhanh, mạnh tại địa phương.

5. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được

- Trong năm 2025, UBND xã đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, cập nhật, đồng bộ và khai thác các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ chuyển đổi số và quản lý nhà nước. Xã đã thực hiện đầy đủ việc cập nhật dữ liệu dân cư, hộ tịch, hộ khẩu, dữ liệu đất đai, an sinh xã hội... trên các phần mềm dùng chung của tỉnh, đảm bảo tính thống nhất giữa hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử. 100% hồ sơ thủ tục hành chính được số hóa thành phần và kết quả, qua đó rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao khả năng tra cứu, giảm chi phí và tạo thuận lợi tối đa cho người dân.

- Việc khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong giải quyết thủ tục hành chính được đẩy mạnh, giúp giảm giấy tờ công dân phải xuất trình và hạn chế sai sót trong truy xuất thông tin. Các Tổ công tác tại cơ sở thực hiện Đề án 06/CP và Công nghệ số cộng đồng đã hỗ trợ người dân kiểm tra, đồng bộ dữ liệu, thực hiện các tiện ích trên VNeID, góp phần hình thành thói quen sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

b) Tồn tại, hạn chế

- Một số cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa được liên thông hoàn toàn với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, dẫn đến việc khai thác, đối soát thông tin ở một số thời điểm chưa chính xác, còn phải kiểm tra thủ công.

- Khối lượng dữ liệu lớn, trong khi xã chưa có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin nên việc rà soát, chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu gặp khó khăn. Công tác duy trì và cập nhật dữ liệu theo thời gian thực còn phụ thuộc nhiều vào việc nhập liệu thủ công của từng bộ phận, dễ phát sinh sai sót.

- Hạ tầng lưu trữ dữ liệu số bao gồm máy chủ, đường truyền, thiết bị sao lưu tuy đã được cải thiện nhưng vẫn chưa thật sự đáp ứng yêu cầu khối lượng dữ liệu ngày càng tăng, đặc biệt trong khung giờ cao điểm. Bên cạnh đó, việc khai thác dữ liệu để xây dựng báo cáo phân tích, báo cáo dự báo còn hạn chế, chủ yếu mới dừng ở mức sử dụng dữ liệu để giải quyết công việc thường xuyên.

6. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được

- Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trên địa bàn xã được triển khai nghiêm túc đảm bảo quy định; các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm quy

định về quản lý truy cập, sao lưu dữ liệu, phòng chống mã độc và tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về bảo mật tài khoản, mật khẩu, sử dụng thiết bị lưu trữ.

- Các hệ thống mạng nội bộ được cấu hình tường lửa, thay đổi mật khẩu định kỳ, phân vùng mạng đúng theo hướng dẫn; đồng thời các đơn vị đã tích cực phối hợp trong công tác kiểm tra an toàn thông tin, kịp thời phát hiện, xử lý sự cố và bảo đảm hoạt động thông suốt của các hệ thống phục vụ quản lý, điều hành.

b) Tồn tại, hạn chế

- Một số máy tính và thiết bị mạng đã cũ, tốc độ xử lý thấp, khả năng bảo mật hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh khối lượng dữ liệu số tăng nhanh. Hệ thống mạng đôi khi quá tải vào giờ cao điểm, gây chậm truy cập hệ thống và ảnh hưởng hiệu quả giải quyết hồ sơ trực tuyến.

- Hiện xã chưa có cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin, dẫn đến công tác giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ an ninh mạng chủ yếu dựa vào phần mềm và sự hỗ trợ của nhà cung cấp dịch vụ. Công tác sao lưu dữ liệu chưa hoàn toàn tự động, tiềm ẩn rủi ro mất mát dữ liệu khi xảy ra sự cố kỹ thuật.

- Ngoài ra, nhận thức về an toàn thông tin của một số cán bộ và người dân còn chưa đồng đều; tình trạng sử dụng mật khẩu đơn giản hoặc lưu trữ tài liệu chưa đúng quy chuẩn vẫn còn diễn ra.

7. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được

- Trong năm 2025, UBND xã đã triển khai toàn diện các nhiệm vụ xây dựng Chính quyền số, gắn chặt với thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW, Kế hoạch 02-KH/BCĐTW và các chương trình của tỉnh. Xã bảo đảm cung cấp đầy đủ 100% dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền; người dân có thể thực hiện nộp hồ sơ, theo dõi và nhận kết quả trên môi trường số mà không phụ thuộc địa giới hành chính. Tỷ lệ nộp trực tuyến 1.622 hồ sơ, đạt 91,3%, trong đó có 594 hồ sơ phát sinh phí được thanh toán trực tuyến, góp phần giảm chi phí, rút ngắn thời gian giải quyết và nâng cao tính minh bạch.

- Xã đã triển khai nhiều ứng dụng số phục vụ quản trị và điều hành, như phòng họp trực tuyến, hệ thống camera giám sát, các nền tảng số quản lý nhân sự - tổ chức, cơ sở dữ liệu giáo dục và an sinh xã hội. Bên cạnh đó, Cổng thông tin điện tử xã đã hoạt động giúp truy cứu và hướng dẫn, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tra cứu thông tin thủ tục hành chính mọi lúc mọi nơi góp phần tiết kiệm thời gian, nâng cao năng suất thực thi công vụ và chất lượng phục vụ Nhân dân. Các Tổ công tác tại cơ sở thực hiện Đề án 06/CP và Công nghệ số cộng đồng hoạt động hiệu quả, hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ số, tạo nền tảng mở rộng công dân số tại địa phương.

b) Tồn tại, hạn chế

- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tuy cao nhưng vẫn chưa đạt kỳ vọng, đặc biệt còn nhiều nhóm đối tượng (công nhân, người cao tuổi, hộ kinh doanh nhỏ) chưa quen thao tác trên dịch vụ công trực tuyến.

- Chưa có nhân sự chuyên trách về công nghệ thông tin và chuyển đổi số; việc kiêm nhiệm gây áp lực lớn, ảnh hưởng đến khả năng vận hành, giám sát và an toàn hệ thống.

- Ứng dụng AI mới ở mức thử nghiệm, chưa được mở rộng sang phân tích dữ liệu, dự báo, tự động hóa quy trình hoặc trợ lý số trong giải quyết công việc.

- Người dân và một bộ phận cán bộ chưa thành thạo kỹ năng số, phải mất nhiều thời gian hỗ trợ khi thực hiện dịch vụ công toàn trình.

8. Kinh tế số và Xã hội số

a) Kết quả đạt được

- Hiện nay, các phương tiện thanh toán phục vụ hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán điện tử tiếp tục được các tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn triển khai mạnh mẽ. Trong đó, phương thức thanh toán nhanh qua QR Code, chuyển khoản,... ngày được sử dụng rộng rãi. Bên cạnh đó, UBND xã đã triển khai chi trả các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn bằng hình thức chuyển khoản, tạo thuận lợi cho người dân trong tiếp nhận các khoản hỗ trợ.

- Công tác chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số được xác định phát triển nguồn nhân lực số là nhiệm vụ trọng tâm, nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng Chính quyền số và thúc đẩy hình thành xã hội số trên địa bàn. Phân công cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các lớp tập huấn chuyên đề về chuyển đổi số. Duy trì hoạt động hiệu quả của Tổ Công nghệ số cộng đồng và phản ứng nhanh tại 13 ấp, hỗ trợ người dân cài đặt VNeID, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, kiểm tra, đồng bộ dữ liệu dân cư, qua đó góp phần nâng cao năng lực số toàn dân.

- Thường xuyên tổ chức hướng dẫn kỹ năng số cho đoàn thể, giáo viên, Tổ nhân dân tự quản và nhóm lao động tự do, từng bước hình thành thói quen sử dụng công nghệ trong đời sống, giao dịch hành chính và sản xuất kinh doanh. Công tác chuẩn bị nguồn nhân lực số đã góp phần quan trọng thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, xây dựng xã hội số phát triển an toàn, bền vững tại xã.

c) Tồn tại, hạn chế

- Tỷ lệ người dân có kỹ năng số còn chưa đồng đều, đặc biệt là nhóm người cao tuổi, người ít tiếp xúc công nghệ, lao động tự do. Việc tiếp cận và sử dụng ứng dụng số vẫn phụ thuộc nhiều vào hỗ trợ trực tiếp của các Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Một bộ phận người dân vẫn có thói quen thực hiện TTHC trực tiếp, dẫn đến tỷ lệ hồ sơ trực tuyến dù đã tăng nhưng chưa đạt kỳ vọng. Một số người dân còn e ngại khi sử dụng VNeID, Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc không duy trì sử dụng thường xuyên.

- Kỹ năng công nghệ của các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng còn chưa đồng đều, một số thành viên chưa nắm chắc quy trình hỗ trợ người dân, dẫn đến chất lượng hỗ trợ tại cơ sở chưa thật sự đồng nhất và chuyên sâu.

- Việc thúc đẩy kinh tế số tại các hộ kinh doanh, doanh nghiệp siêu nhỏ còn hạn chế; nhiều hộ kinh doanh vẫn sử dụng phương thức quản lý truyền thống, chưa quen với hóa đơn điện tử, thanh toán số hoặc quảng bá trực tuyến.

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

9.1. Ngày Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

UBND xã đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực, sáng tạo nhằm hưởng ứng Ngày hội Đổi mới sáng tạo quốc gia 01/10 và Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10, qua đó lan tỏa tinh thần học tập và sử dụng nền tảng số trong nhân dân.

b) Tồn tại, hạn chế

- Mức độ lan tỏa xuống một số nhóm đối tượng còn chưa đồng đều, đặc biệt là người lao động đi làm công ty, doanh nghiệp, người cao tuổi hoặc hộ ít tiếp cận internet.

- Một số hoạt động truyền thông cộng đồng vẫn cần tăng thêm lực lượng hỗ trợ để tiếp cận sâu rộng hơn đến các tổ nhân dân tự quản có địa bàn rộng, dân cư đông.

9.2. Công tác truyền thông về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

- Trong năm 2025, UBND xã đã triển khai đồng bộ, đa dạng các hoạt động truyền thông về chuyển đổi số, gắn với tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị theo đúng chỉ đạo của tỉnh. Xã đã ban hành Kế hoạch tuyên truyền Nghị quyết 57-NQ/TW và tổ chức triển khai trên nhiều nền tảng.

- Công tác truyền thông được thực hiện qua nhiều hình thức: Cổng thông tin điện tử, mạng xã hội, hệ thống loa truyền thanh, pano, khẩu hiệu và các hoạt động tuyên truyền trực quan tại khu Trung tâm hành chính và các tuyến đường chính.

- Các hội nghị, cuộc họp giao ban, sinh hoạt ấp được lồng ghép nội dung chuyển đổi số, giúp lan tỏa thông tin kịp thời đến cán bộ, công chức, viên chức và người dân. Phòng Văn hóa - Xã hội phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan trong sản xuất tin bài, video tuyên truyền, đồng thời xử lý thông tin trái chiều trên mạng xã hội nhằm bảo đảm thông tin chính xác, minh bạch. Phong trào “Bình dân học vụ số” được triển khai sâu rộng, góp phần nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp và các Tổ công nghệ số cộng đồng. Các hình thức truyền thông được đổi mới, ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với nhiều nhóm đối tượng, tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng.

b) Tồn tại, hạn chế

Nội dung truyền thông ở một số thời điểm chưa thật sự phong phú, chưa tạo được điểm nhấn nổi bật để thu hút người dân và doanh nghiệp. Một bộ phận người dân, đặc biệt là nhóm lao động phổ thông, người lớn tuổi vẫn còn hạn chế trong tiếp cận thông tin số, dẫn đến việc tuyên truyền chưa bao quát toàn diện.

10. Kinh phí thực hiện

Tính đến thời điểm báo cáo, UBND xã đã triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin theo Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 của tỉnh và xã. Toàn bộ các hạng mục duy trì, nâng cấp hạ tầng CNTT, hệ thống mạng LAN, đường truyền Internet, máy tính, máy in, thiết bị ký số... đều được hoàn thành đúng tiến độ, bảo đảm phục vụ hoạt động chuyên môn và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.



Phụ lục II
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN MỤC TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số 15 /KH-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2026 của UBND xã Hòa Điện)

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
I	Phát triển Chính quyền số				
1	Dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến toàn trình	100%	Trung tâm PVHCC	Các phòng, ban, ngành xã	- Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. - Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.
2	Thông tin người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến	70%	Trung tâm PVHCC	Các phòng, ban, ngành xã	Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang
3	Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	60%	Văn phòng HĐND và UBND	Phòng Văn hóa – Xã hội	Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang
4	Chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	90%	Văn phòng HĐND và UBND	Các phòng, ban, ngành xã	Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang



	(LRIS); đồng thời được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ				
5	Văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử và giữa cơ quan nhà nước và cơ quan đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội hoàn toàn qua môi trường mạng	100%	Các phòng, ban, ngành xã	Phòng Văn hóa – Xã hội	- Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. - Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.
6	Lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng tập huấn kỹ năng số để sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng báo cáo công việc.	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.
7	Cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.
8	Người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	90%	Các phòng, ban, ngành xã	Trung tâm PVHCC	Công văn số 5511/BKHCN-CĐSQG ngày 10/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ
9	Hồ sơ thủ tục hành chính là hồ sơ trực tuyến toàn trình, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần	80%	Các phòng, ban, ngành xã	Trung tâm PVHCC	- Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh An Giang. - Công văn số 5511/BKHCN-CĐSQG ngày 10/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

10	Hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).	90%	Các phòng, ban, ngành xã	Văn phòng HĐND và UBND	- Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh An Giang. - Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.
11	Xếp hạng chỉ số phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số	Trong nhóm 40 các xã trong tỉnh	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	- Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh An Giang. - Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.
12	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	100%	Các phòng, ban, ngành xã	Trung tâm PVHCC	Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang
13	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	100%	Các phòng, ban, ngành xã	Trung tâm PVHCC	Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang
14	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	80%	Các phòng, ban, ngành xã	Trung tâm PVHCC	Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang
15	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	80%	Các phòng, ban, ngành xã	Trung tâm PVHCC	Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang

16	Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	100%	Trung tâm PVHCC	Các phòng, ban, ngành xã	Công văn số 5511/BKHCN-CDSQG ngày 10/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
17	Thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch	100%	Trung tâm PVHCC	Các phòng, ban, ngành xã	Công văn số 5511/BKHCN-CDSQG ngày 10/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
18	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI	50%	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	Công văn số 5511/BKHCN-CDSQG ngày 10/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
19	Hoàn thiện việc xây dựng chính quyền số; Quản lý nhà nước của xã trên môi trường số, cơ quan nhà nước chỉ đạo, điều hành trên dữ liệu theo thời gian thực, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	90%	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	- Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. - Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.
20	Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	100%	Công an xã	Các phòng, ban, ngành xã	Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ
II	Phát triển Kinh tế số				
21	Phần đầu tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	10%	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, ngành xã	Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang

22	Sản phẩm thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) có mặt sản thương mại điện tử	100%	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa – Xã hội; Các phòng, ban, ngành xã	Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang
23	Dân số tham gia mua sắm trực tuyến	60%	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa – Xã hội; Các phòng, ban, ngành xã	Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang
24	Người dân biết sử dụng điện thoại thông minh vào khai thác các ứng dụng nền tảng phục vụ sản xuất, kinh doanh	Trên 60%	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã; các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn xã	Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang
25	Có ít nhất 01 doanh nghiệp công nghệ số, phát triển sản phẩm, giải pháp, dịch vụ công nghệ thông tin		Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa – Xã hội; Các phòng, ban, ngành xã; các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn xã	Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang
26	Doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	100%	Thuế cơ sở 4, tỉnh An Giang	Phòng Kinh tế; Các phòng, ban, ngành xã; các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn xã	Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang
27	Doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	60%	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa – Xã hội; Các phòng, ban, ngành xã; các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn xã	Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang

28	Doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại	80%	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, ngành xã; các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn xã	Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang
III	Phát triển Xã hội số				
29	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	50%	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. - Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang
30	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán điện tử	90%	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Hà Tiên	Các phòng, ban, ngành xã	- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. - Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. - Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang
31	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	90%	Trạm Y tế	Các phòng, ban, ngành xã	- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. - Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang

32	Người dân, doanh nghiệp được trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số; có thể tham gia hoạt động học tập, lao động, sản xuất, đời sống và sinh hoạt trên môi trường số	90%	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang
33	Phổ cập 5G và các công nghệ sau 5G	-	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Viễn thông - Internet trên địa bàn xã	Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang
34	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	90%	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ VTCI	Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang
35	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	90%	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ VTCI; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Viễn thông – Internet trên địa bàn xã	- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. - Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.



Phụ lục III

PHẦN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2026 của UBND xã Hòa Điện)

STT	Danh mục nhiệm vụ	Giải pháp thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
I	Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số					
1	Xây dựng chương trình, kế hoạch của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Đề án 06; Kế hoạch kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi trên địa bàn xã và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát theo Kế hoạch đã được ban hành.	Xây dựng chương trình, kế hoạch của Ban Chỉ đạo xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 năm 2026. Chương trình, kế hoạch công tác phải xác định cụ thể nội dung, thời hạn, yêu cầu kết quả; thời gian, số lượng các phiên họp, hội nghị để chỉ đạo, đánh giá kết quả triển khai, giải quyết các vướng mắc cụ thể; xác định cụ thể chủ đề, vấn đề cần tập trung chỉ đạo, tháo gỡ	Năm 2026	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	Sau khi Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 ban hành chương trình, kế hoạch hoạt động
		Ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo xã về phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06. Yêu cầu	Năm 2026	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	

		có thời gian, nội dung, địa điểm kiểm tra, giám sát cụ thể và Các đoàn kiểm tra, giám sát được tổ chức thực hiện.				
2	Tăng cường trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước trong việc triển khai chuyển đổi số. Người đứng đầu chịu trách nhiệm, nêu gương, truyền cảm hứng trong chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách.	Triển khai Quyết định số 970/QĐ-TTg ngày 19/5/ 2025 của Thủ tướng Chính phủ về quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức	Thường xuyên	Các phòng, ban, ngành xã	Phòng Văn hóa – Xã hội	
3	Thường xuyên theo dõi, chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện tiến độ các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện tiến độ các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số	Thường xuyên	Các phòng, ban, ngành xã	Phòng Văn hóa – Xã hội	
4	Đẩy mạnh công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên cơ sở dữ liệu thời gian thực, nhất là Bộ chỉ số phục	Công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên cơ sở dữ liệu thời gian thực, nhất là Bộ chỉ số phục vụ người dân	Năm 2026	Văn phòng HĐND và UBND	Các phòng, ban, ngành xã	

	vụ người dân và doanh nghiệp trên môi trường điện tử theo Quyết định 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; các hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số.	và doanh nghiệp trên môi trường điện tử theo Quyết định 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ				
		Các hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số	Năm 2026	Các phòng, ban, ngành xã	Phòng Văn hóa – Xã hội	
II	Thẻ chế, chính sách số					
5	Xây dựng các văn bản, kế hoạch thực thi các chương trình, kế hoạch của tỉnh triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số		Năm 2026	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	
6	Rà soát, xây dựng, sửa đổi, ban hành các văn bản pháp luật của ngành, lĩnh vực, thúc đẩy chuyển đổi số		Thường xuyên	Các phòng, ban, ngành xã	Phòng Văn hóa – Xã hội	
7	Xây dựng, ban hành các văn bản, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực tại địa phương như: chính sách phát triển, thu hút nhân lực, tuyển dụng, xét nâng lương, nâng ngạch đối ngũ cán bộ làm chuyển đổi số; khuyến khích, thúc đẩy sử	Nghiên cứu, triển khai chính sách giảm thời gian xử lý hồ sơ, phí, lệ phí khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Thường xuyên	Các phòng, ban, ngành xã	Văn phòng HĐND và UBND	
		Triển khai chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP	Năm 2026	Các phòng, ban, ngành xã	Phòng Văn hóa – Xã hội; Phòng Kinh tế	

	dụng dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, doanh nghiệp; chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp, mới thành lập;...	Tham mưu chính sách chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và các văn bản khác có liên quan	Năm 2026	Phòng Văn hóa – Xã hội	Phòng Kinh tế	Sau khi Sở Khoa học và Công nghệ ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện
8	Xây dựng, ban hành quy định kỹ thuật về dữ liệu các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; các quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu; quy chế, quy định, hướng dẫn, quy chuẩn dữ liệu đối với các HTTT, CSDL (nhất là các CSDL dùng chung, các CSDL ngành) để tạo thuận lợi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu		Năm 2026	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	
III	Hạ tầng số					
9	Xây dựng, rà soát bổ sung, chỉnh sửa, cập nhật Kế hoạch phát triển hạ tầng số đến năm 2030 của xã đảm bảo phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế		Năm 2026	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	
10	Hoàn thiện Quy hoạch xã đảm bảo cho phát triển hạ tầng số (ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển nhà trạm thu		Năm 2026	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa – Xã hội; Các phòng,	

	phát sóng di động, hạ tầng băng rộng.				ban, ngành xã	
11	Tổ chức làm việc, xác định kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số của các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn xã từ đó triển khai các biện pháp hỗ trợ bao gồm: xây dựng, công bố kế hoạch đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng của xã của các ngành kinh tế để các đơn vị phối hợp triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác.	Tổ chức làm việc, xác định kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số của các doanh nghiệp viễn thông tại địa phương	Năm 2026	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	
		Triển khai các biện pháp hỗ trợ bao gồm: xây dựng, công bố kế hoạch đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng, của các ngành kinh tế để các đơn vị phối hợp triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác.	Năm 2026	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, ngành xã; Doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn xã	
12	Thúc đẩy tích hợp các cảm biến IoT vào các cơ sở hạ tầng truyền thống chính quyền, y tế và giáo dục, trong quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng		Năm 2026	Các phòng, ban, ngành xã; Văn phòng HĐND và UBND	Các phòng, ban, ngành xã	
13	Ưu tiên khai thác, sử dụng hiệu quả hạ tầng số dùng chung cấp quốc gia (Mạng truyền số liệu		Năm 2026	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	Sau khi tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện

	chuyên dùng, Trung tâm dữ liệu quốc gia ...).				Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	Sau khi tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện
14	Tổ chức triển khai các mạng diện rộng của tỉnh sử dụng hạ tầng kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng		Năm 2026		Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	Sau khi tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện
15	Ban hành danh mục ứng dụng, nền tảng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng; thúc đẩy triển khai các ứng dụng, nền tảng dùng chung trên mạng Truyền số liệu chuyên dùng		Năm 2026		Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã; Doanh nghiệp viễn thông – Internet trên địa bàn xã	
16	Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thể hệ tiếp theo phủ sóng toàn xã		Năm 2026		Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã; Doanh nghiệp viễn thông – Internet trên địa bàn xã	
17	Duy trì, nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng kết nối, giám sát, kiểm sát truy cập tập trung của Mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm ổn định, thông suốt, kết nối các hệ thống thông tin, nền tảng, ứng		Năm 2026		Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã; Doanh nghiệp viễn thông – Internet trên địa bàn xã	

	dụng phục vụ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh						
IV	Nhân lực số						
18	Phối hợp cơ quan cấp tỉnh Duy trì, tăng cường triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số nói chung, chính quyền số, kinh tế số, an toàn thông tin cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động	Thường xuyên	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã			
19	Phối hợp cơ quan cấp tỉnh Triển khai các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về kiến trúc dữ liệu, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo; sử dụng dữ liệu hỗ trợ ra quyết định, xây dựng chính sách, công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp; về an toàn thông tin; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ chuyên trách chuyển đổi số, cán bộ phụ trách an toàn thông tin,...	Năm 2026	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã			
	Triển khai các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về ATTT; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ chuyên trách, phụ trách an toàn thông tin,...	Năm 2026	Công an xã	Các phòng, ban, ngành xã			

20	Phối hợp ban, ngành tỉnh tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật chuyên biệt và thường xuyên cho đội ngũ cán bộ tập trung vào kỹ năng vận hành các nền tảng dùng chung và kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số		Năm 2026	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	
21	Thực hiện truyền thông chính sách, phổ biến thông tin về Chính phủ số, Chính quyền số, các nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI, chuyển đổi số đến người dân, doanh nghiệp		Năm 2026	Các phòng, ban, ngành xã	Trung tâm Cung ứng SNC Cơ Bản	
22	Phát triển hệ thống học liệu số trên ứng dụng SmartAnGiang, phục vụ Chương trình “Bình dân học vụ số” và “Học tập suốt đời” trên địa bàn xã		Năm 2026	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	
23	Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng Bình dân học vụ số, Tổ công nghệ số cộng đồng và các hoạt động xã hội hóa, ưu tiên triển khai tại nông thôn, vùng sâu		Năm 2026	Các phòng, ban, ngành xã; các ấp	Phòng Văn hóa – Xã hội	

	vùng xa và với nhóm người cao tuổi.						
V	Phát triển dữ liệu số						
24	Triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung về nhiệm vụ, giải pháp phát triển dữ liệu số theo Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh An Giang triển khai thực hiện Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn xã.		Năm 2026	Công an xã	Các phòng, ban, ngành xã		
25	Triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, tránh trùng lặp, trong đó ưu tiên các lĩnh vực trọng điểm, thế mạnh của xã về nông nghiệp, giáo dục, y tế.		Năm 2026	Các phòng, ban, ngành xã	Phòng Văn hóa – Xã hội		
VI	An toàn thông tin mạng						
26	Triển khai nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin. Các nhóm việc cần triển khai bao	Xây dựng, trình thẩm định phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo vệ theo hồ sơ đã được phê duyệt cho 100% hệ	Năm 2026	Công an xã	Các phòng, ban, ngành xã		

	gồm: Xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ; Triển khai phương án bảo vệ theo hồ sơ đã được phê duyệt; Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ; phần đầu đảm bảo 100% hệ thống thông tin được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông; thực hiện nguyên tắc hệ thống chưa được kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng.	thống thông tin thuộc phạm vi quản lý	Năm 2026	Công an xã	Các ban, ngành xã		
VII	Chính quyền số						
VII.1	Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến						
27	Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, xác định mục tiêu phù hợp với điều kiện thực tiễn tại xã, phần đầu 80% trở lên hồ sơ thủ tục hành chính là hồ sơ trực tuyến toàn trình, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần; 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp xã; 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch; 50% các dịch vụ công	80% trở lên hồ sơ thủ tục hành chính là hồ sơ trực tuyến toàn trình, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần	Năm 2026	Các phòng, ban, ngành xã	Trung tâm PVHCC		
		100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Năm 2026	Trung tâm PVHCC	Các phòng, ban, ngành xã		
		100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch	Năm 2026	Các phòng, ban, ngành xã	Trung tâm PVHCC		

	trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI; 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	50% các dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI	Năm 2026	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	
28	Thực hiện rà soát, cập nhật hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Tiếp tục thực hiện rà soát, cập nhật, nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của xã đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến (nếu có)	Năm 2026	Trung tâm PVHCC	Các phòng, ban, ngành xã	
29	Phối hợp cơ quan cấp tỉnh triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID		Năm 2026	Công an xã	Các phòng, ban, ngành xã	
30	Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử.	Hướng dẫn, triển khai tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử	Năm 2026	Văn phòng HĐND và UBND xã; Trung tâm PVHCC	Các phòng, ban, ngành xã	
VII.2	Triển khai quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số					

31	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ	Xây dựng, rà soát bổ sung, chỉnh sửa, cập nhật Kế hoạch triển khai Quyết định số 1012/QĐ-TTg của tỉnh đảm bảo phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế	Năm 2026	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	
32	Thường xuyên rà soát, nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống, nền tảng số dùng chung của xã đảm bảo vận hành ổn định, thông suốt, hiệu quả đáp ứng theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp		Thường xuyên	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	
VII.3	Triển khai, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong quản lý, điều hành, hỗ trợ hoạt động của cán bộ, công chức					
33	Triển khai, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong quản lý, điều hành, hỗ trợ hoạt động của cán bộ, công chức		Năm 2026	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	
VIII	Kinh tế số và xã hội số					
VIII.1	Triển khai các hoạt động phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực					
34	Ban hành, triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu		Năm 2026	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	

	các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo						
VIII.2	Triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số						
35	Triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số. Trong đó, hỗ trợ, đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp theo Quyết định 1567/QĐ-BKHCN ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành bộ tiêu chí đánh giá - mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp; hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp triển khai các giải pháp công nghệ, ứng dụng nền tảng số để chuyển đổi số, phù hợp theo định hướng của quốc gia		Năm 2026	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã		
36	Triển khai các nội dung tại Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 08/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2028 trên địa bàn tỉnh An Giang		Năm 2026	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã		

VIII.3	Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về vai trò, lợi ích của chữ ký số công cuộc chuyển đổi số				
37	Hướng dẫn, công bố cách thức đăng ký, sử dụng chữ ký số, kiểm tra chữ ký số nhằm thúc đẩy người dân thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng, tiến tới tăng cường trong cả các giao dịch điện tử khác như tài chính, thương mại điện tử		Năm 2026	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng
38	Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc xây dựng phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra chữ ký số và tích hợp, kết nối ký số vào Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo Thông tư số 15/2025/TT-BKHCN ngày 15/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra chữ ký số và cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng		Năm 2026	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng Sau khi Sở Khoa học và Công nghệ ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện
IX	Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin				

39	Triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026 trên địa bàn xã phù hợp với mục đích, ý nghĩa, chủ đề của Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026		Năm 2026	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	
40	Phát động phong trào thi đua Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước nhằm đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp		Năm 2026	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành xã	
41	Triển khai, cụ thể hóa các nội dung tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số thành các chương trình, kế hoạch, chiến dịch (thường xuyên, định kỳ, theo sự kiện, tuần lễ, ngày chuyển đổi số) với nội dung, hình thức triển khai đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế để tuyên truyền, truyền thông các chủ trương, định hướng chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; chương	Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để tuyên truyền, truyền thông các chủ trương, định hướng chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh; vai trò, lợi ích của chuyển đổi số đối với người dân, doanh nghiệp; sử dụng dịch vụ công trực tuyến; các mô hình, cách làm hay, bài toán, sáng kiến điển hình để phổ biến, nhân rộng; các hoạt động khuyến khích, thúc đẩy thi đua chuyển đổi số.	Năm 2026	Các phòng, ban, ngành xã	Phòng Văn hóa – Xã hội	